

Phẩm 7: CHỨNG PHÁP

Lại nữa, Đức Phật tự khen rằng: “Pháp Ta có khả năng diệt, có khả năng đạt đến Niết-bàn, có khả năng sinh chánh trí, có khả năng khéo dẫn dắt. Khả năng diệt là, diệt trừ các lửa phiền não tham lam, sân giận v.v... nên gọi là khả năng diệt. Ví như tu tập quán bất tịnh thì diệt trừ lửa dâm dục; như tu tập tâm từ, diệt trừ sân giận... chẳng phải như ngoại đạo, tu pháp đoạn thực, mà gọi là có khả năng diệt! Có khả năng đạt đến Niết-bàn là, pháp Phật rất ráo ắt phải đạt đến Niết-bàn. Không như ngoại đạo, trụ trong phần hữu dính mắc vào các Thiên định. Trong pháp của Phật có nói: Tất cả pháp hữu vi, đều có lỗi lầm tai họa, không đáng khen ngợi. Chẳng phải như Bà-la-môn khen ngợi Phạm Thiên v.v... Vì thế nói pháp Phật có khả năng đạt đến Niết-bàn. Có khả năng sinh chánh trí là, tất cả pháp Phật hiện có đều là Niết-bàn, vì thế có khả năng sinh chánh trí. Lại trong pháp Phật có quả trí; chân thật như từ văn tuệ sinh tư tuệ, từ tư tuệ sinh tu tuệ, nên gọi pháp Phật có khả năng sinh chánh trí là vậy. Có khả năng khéo dẫn dắt là, pháp Phật, trước tiên thành tựu hoàn thiện cho mình, sau đó, khiến cho người an trú trong chánh pháp, nên gọi là khéo dẫn dắt. Pháp Phật có sáu loại: Một là khéo thuyết, hai là hiện báo, ba là vô thời, bốn là khả năng dẫn dắt, năm là đến tự trải nghiệm, sai là người trí tự biết. Khéo thuyết là, các pháp Phật thuyết giảng, đúng như thật tướng của pháp; như pháp bất thiện thì nói tướng bất thiện; thiện thì nói tướng thiện; cho nên gọi là thiện thuyết. Hiện báo là, pháp Phật có năng lực, chứng được quả báo thế gian hiện tại như trong kinh dạy: “Sáng sớm thọ giới, buổi chiều đắc đạo. Chiều nói pháp, sáng mai đắc đạo”. Hiện báo là, như trong kinh Hiện Tại Sa Môn Quả dạy: Hiện tại được các lợi như cung kính, tiếng khen, thiên định, thần thông v.v... Lại nữa, pháp Phật đều có nghĩa lý, nên có thể đạt được cung kính, đạt được phước báo hiện tại, đời sau và quả Niết-bàn. Pháp của các ngoại đạo không có nghĩa lý, nên không thể có phước báo hiện tại, đời sau, hưởng gì Niết-bàn! Cho nên gọi pháp Phật là hiện báo. Vô thời là, pháp Phật không dựa vào ngày tháng năm nào hay trăng sao lành dữ, mới tu được đạo, hay có ngày tháng năm nào đó chẳng thể tu được đạo! Không như pháp Bà-la-môn, đầu mùa Xuân, Bà-la-môn lãnh thọ pháp lửa. Cuối mùa Xuân, dòng Sát-đế-lợi (Vua chúa) lãnh thọ pháp lửa; lại còn có trường hợp đợi mặt trời xuất hiện hay chưa xuất hiện mới cúng dường lửa. Như có người, thấy năm giống lúa, đợi thời hạn mới gieo; hoặc bảo pháp Phật cũng sẽ như thế! Trong

kinh đã dạy: “Pháp Phật dễ tu, đi đứng nằm ngồi lúc nào cũng đều thực hành được, nên gọi là vô thời. Khả năng dẫn dắt là, nhờ chánh hạnh nên có thể hướng dẫn chúng sinh đạt được giải thoát, gọi là khả năng dẫn dắt. Đến tự trải nghiệm là, pháp Phật phải tự mình tu chứng, không phải từ người khác; như Đức Phật dạy các Tỳ-kheo: “Các vị chớ tin lời dạy của Ta, mà nên tự suy nghĩ: Pháp này có nên tu, hay không nên tu”. Không như ngoại đạo bảo các đệ tử: “Bỏ việc hỏi, trả lời này, như người rửa sạch, chẳng thích bụi dơ, nên như người cầm, điếc chỉ nghe theo lời ta”. Người trí tự biết là, pháp Phật có lợi ích, nhưng người trí mới có khả năng tin hiểu. Ví như các pháp tuyệt thực thì những người ngu kém sẽ tin, còn người trí thì không chấp nhận, phải dùng trí tuệ chân chánh, diệt các phiền não. Những pháp như thế người trí mới hiểu, tuy dùng thức ăn ngon ngọt, đủ nuôi thân, nhưng phải nhất tâm tinh tấn tu tập, để không nhiễm tham lam, sân giận. Các việc như vậy, người trí mới biết; như người thiện bệnh mới tự biết bệnh đã khỏi; như nước lạnh thì người uống mới biết. Hoặc pháp vượt quá nói năng, như tướng cứng của đất, tướng cứng như thế nào? Không thể dùng lời đáp được, mà chỉ có tiếp xúc mới biết. Cũng như có người mù, từ lúc mới sinh, không thể bảo với họ những màu sắc vàng, đỏ, trắng được. Hoặc có người, không được vị pháp Phật, thì không thể nói cho là nghĩa thật của pháp Phật cho là tịch diệt. Lại nữa, pháp Phật có thể tự chứng biết, không thể đem sự chứng biết của mình, trao cho người khác, giống như trao tài vật. Như trong kinh Bà La Diên, Đức Phật dạy: “Ta không thể diệt trừ nghi cho ông, để ông có thể chứng được pháp Ta, thì nghi của ông phải tự diệt trừ lấy”. Lại nữa, pháp này khi đến thân người khác, thì không thể thấy được, như lửa đã truyền đi vậy. Người phàm mê mờ, do núi vô minh ngăn che, nên không thể tin hiểu pháp này. Như do Sa-di A-di-la-việt mà nói ví dụ núi lớn; cho nên nói người trí tự biết. Pháp Phật rất sâu xa, diễn bày chỉ ra thì nông cạn, phải diệt trừ hư dối lưu truyền khắp Trời, Người. Sâu xa là, pháp Phật rất sâu xa; vì không biết nguyên nhân. Người thế gian phần nhiều thấy quả hiện tại, mà không thể biết nguyên nhân, nên nói tà nhân Tự Tại thiên v.v... Mười hai pháp nhân duyên sâu xa, nên khó hiểu, người thế gian trí kém đối với pháp Phật không sinh ý tưởng sâu sắc, không thể hiểu rõ các pháp nhân duyên, cho đến mảy may cộng cả cũng do các nhân duyên. Suy nghĩ và quán xét, thì tướng này càng sâu thẳm. Như Đức Phật dạy: “Các pháp nhân duyên rất là sâu xa, chỗ tham ái tận trừ là, diệt, và Niết-bàn, cũng khó mà thấy được!

Hỏi: Nếu pháp nhân duyên sâu xa, sao Ngài A-nan suy nghĩ nông

cạn?

Đáp: Có Luận sư nói: “Lời nói ấy không đúng. A-nan là đại đệ tử, thông suốt tướng các pháp, sao lại nói pháp nhân duyên là nông cạn?” Vả lại vì dùng tổng tướng mà quán xét pháp nhân duyên, nên cho là nông cạn! Vì sao? Vì người này không thể khéo quán xét, phân biệt rõ các nghiệp phiền não. Hoặc người đã từng học hết những điều này, sẽ cho là nông cạn, như khi đắc đại trí, xem lại bài học ban đầu. Hoặc lại có người trí tuệ chưa thành tựu, đối với pháp sâu xa tất sinh suy nghĩ nông cạn. Đức Phật vì khéo thuyết pháp, nên có chúng sinh nghe rồi, liền sinh tướng nông cạn. Lại nữa, pháp Phật đều là “không”, vì lý của “không” rất sâu xa, nên Đức Phật dùng nhiều nhân duyên, ví dụ, giải thích nghĩa, để dễ hiểu, trẻ con cũng hiểu được; như Sa-di Tu-đà-da v.v... Lại nữa, pháp Phật là chắc chắn, là chân thật nhất trong các loại ngôn thuyết, không như những kinh Bà La Đà La Ma Diên, chỉ có lời nói mà không có nghĩa thật. Như ông Phạm chí Lư Đề thưa với Thế Tôn: “Các Tỳ-kheo ở trong pháp chân thật lợi ích, siêng năng tu tập, thì sẽ diệt trừ hết các lậu. Hơn nữa, pháp Phật vì lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên mới thuyết giảng; chẳng phải như Bà-la-môn nói là pháp của Bà-la-môn chỉ có mình đắc được đạo, còn người khác thì không! Pháp Phật là pháp xứng đáng tôn trọng; các vị Thiên vương, là những người tự do khinh an hưởng thọ năm dục, mà vẫn tìm đến để tin thọ. Do nhân duyên này, nên đáng đánh lễ pháp.

Phẩm 8: MƯỜI HAI BỘ KINH

Lại nữa, pháp Phật phân thành mười hai loại: Một là Tu-đa-la; hai là Kỳ-dạ, ba là Hòa-già-la-na; bốn là Già-đà; năm là Ưu-đà-na; sáu là Ni-đà-na; bảy là A-ba-đà-na; tám là Y đế việt đa già; chín là Xà-đà-già; mười là Tỳ-phật-lược; mười một là A-phù-đa-đạt-ma; mười hai là Ưu-ba-đề-xá. Tu-đa-la là những lời nói thẳng. Kỳ Dạ là dùng kệ tụng lại Tu-đa-la, hoặc Phật tự nói, hoặc các đệ tử nói.

Hỏi: Tại sao phải dùng kệ tụng lại Tu-đa-la?

Đáp: Muốn cho nghĩa lý được kiên cố, ví như dùng dây khâu hoa theo thứ lớp sẽ vững chắc, và muốn trau dồi lời lẽ, khiến cho người ưa thích, ví như đem hoa tung lên, hoặc đem hoa khâu lại để làm trang nghiêm. Nghĩa lý trong kệ, tóm tắt dễ hiểu; vả lại có chúng sinh ưa thích nói thẳng (văn xuôi), hoặc thích nói kệ (thơ). Trước nói pháp bằng văn xuôi, sau dùng kệ tụng, thì nghĩa lý sẽ rõ ràng, khiến cho người tin vững chắc. Nghĩa lý trong kệ theo thứ lớp làm rõ cho nhau, dễ dàng tán thán. Cho nên gọi là kệ. Có người bảo: Pháp Phật không nên làm kệ, vì giống như ca vịnh. Lời ấy không đúng. Vì pháp Phật cần phải làm kệ. Vì sao? Vì Đức Phật tự dùng kệ để giảng giải các nghĩa. Như trong kinh dạy: “Tất cả ngôn từ vi diệu của thế gian, đều để nêu ra pháp của Ta”. Cho nên kệ tụng đều có lời lẽ vi diệu. Hòa-già-la-na là các kinh có giải nghĩa. Hoặc có kinh không giải đáp, như các kinh Bốn vô ngại, thì gọi là Tu-đa-la. Kinh có hỏi đáp, gọi là Hòa-già-la-na; như nói có bốn hạng người: Từ tối vào tối; từ tối vào sáng; từ sáng vào tối; từ sáng vào sáng. Từ tối vào tối là, như người nghèo hèn, đã bần cùng, còn gây ba nghiệp bất thiện, rơi vào các đường ác, những kinh như vậy, gọi là Hòa-già-la-na.

Hỏi: Vì sao Đức Phật thuyết kinh không đáp không giải?

Đáp: Có kinh nghĩa lý rất sâu. Nghĩa kinh này, sẽ phân biệt rõ trong Luận A-tỳ-đàm, vì thế không giải. Hoặc có người cho rằng: Đức Phật thuyết kinh, đều đã được giải nghĩa. Nhưng vì người kết tập kinh pháp, tuyển chọn kinh nào, nghĩa lý sâu xa, thì cho vào trong A-tỳ-đàm. Như do hai phái kết tập trong và ngoài, trọn đêm giải nghĩa kinh này, nên lẽ ra tập trung ở nhóm kiết sử. Già-đà: bộ thứ hai đã nói kỳ-dạ, Kỳ-dạ là kệ. Kệ có hai loại: Một là Già-đà, hai là Lộ-già. Lộ-già có hai loại: Một là thuận phiến não; hai là không thuận phiến não. Không thuận phiến não là điều nói trong Kỳ-dạ gọi là Già-đà. Ngoài hai loại kệ này, còn lại chẳng phải kệ kinh, thì gọi là Ưu-đà-na. Ni-đà-na là

những nhân duyên của kinh. Vì sao? Vì các Đức Phật cùng với Hiền Thánh, thuyết giảng kinh pháp, điều quan trọng là cần có nhân duyên. Nhân duyên của các kinh này, hoặc ở trong Khế kinh (Tu-đa-la), hoặc ở nơi khác thì gọi là Ni-đa-na. A-ba-đa-na là, thuyết giảng tuần tự, từ đầu đến cuối, như trong kinh dạy: “Người trí thuyết giảng, thì có thứ lớp, có nghĩa lý, có giải thích, không thể lẫn lộn; gọi là A-ba-đa-na. Y-đế-viết-đa-già là, nhân duyên của kinh và thứ lớp của kinh. Nếu hai kinh này ở trong đời quá khứ gọi là Y-đế-viết-đa-già. Đời nhà Tần dịch: “Việc này, đời quá khứ như vậy”. Xà-đa-già là, nhân việc hiện tại mà giảng thuyết việc quá khứ. Như Lai tuy nói việc đời vị lai, nhưng việc này đều nhân từ quá khứ và hiện tại, nên chẳng nói riêng. Tỳ-phật-lược là, kinh Đức Phật giảng thuyết rộng rãi. Có người không tin cho rằng, các bậc Đại Thánh thích vắng lặng, chẳng ưa ồn ào, nhằm chán lời nói tạp của thế gian, muốn diệt trừ nguồn gốc ưa thích đó nên chẳng thích giảng thuyết rộng rãi. Như trong kinh dạy: “Có người đắc đạo, hơn hai tháng rồi, mới nói một lời. Vì muốn trừ bỏ lời nói này, nên Phật giảng thuyết kinh rộng rãi, đem lợi ích cho người. Đức Phật có hai phương cách thuyết pháp: Một là giảng rộng. Hai là tóm lược. Ngài xử dụng giảng rộng nhiều hơn, là tóm lược. A-phù-đa-đạt-ma là, kinh thuyết về những việc chưa từng có. Như nói về những việc khác lạ, khi kiếp tận, đại biến, đo lường thân Chư Thiên, đại địa chấn động. Có người không tin những việc này, cho nên nói: Kinh thuyết giảng việc chưa từng có này, là để biểu hiện quả báo của nghiệp, năng lực của các pháp không thể nghĩ bàn. Ưu-bà-đề-xá là, những lời Phật dạy mà chỉ các ngài Đại Ca-chiên-diên v.v... là những bậc đại trí mới hiểu rõ. Có người không tin, cho đó chẳng phải là lời Đức Phật dạy; Phật vì thế mà giảng thuyết kinh có luận; kinh có luận thì nghĩa dễ hiểu.

Mười hai bộ phận của kinh này, gọi là pháp Phật. Pháp bảo đầy đủ công đức như vậy, cho nên đáng đánh lễ.
